TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **68**/2023/HS-ST
Ngày 06-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh và ông Vũ Minh Đón

***Thư ký phiên toà*:** Ông Đào Tiến Đạt - Thư ký TAND huyện Y.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Ngọc Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 06/7/2023, tại T sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 68/2023/HSST ngày 31/5/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HS ngày 12/6/2023, đối với bị cáo:

** Bị cáo:* **Bùi Vũ T**, sinh năm 1984; nơi thường trú: Thôn T1, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tông giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Kim T2 và con bà Nguyễn Thị H; vợ là Đỗ Thị H1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2023 đến ngày 12/01/2023; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Vũ Xuân P, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: Xóm 2, xã K1, huyện K, tỉnh Ninh Bình; tạm trú: Thôn B, xã T3, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

2. Anh Lò Văn T4, sinh năm 2000; hộ khẩu thường trú: Bản N1, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái; tạm trú: Thôn H, xã L1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

3. Anh Phạm Văn D, sinh năm 1995; nơi cư trú: Tổ dân phố Y1, phường N2, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

4. Anh Nguyễn Văn Huấn, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ dân phố Nguyễn Xá, phường N2, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

5. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn T1, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

6. Anh Phạm Văn T5, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn T1, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

7. Anh Vì Văn M, sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã C, huyện C1, tỉnh Nghệ An; nơi tạm trú: Thôn T1, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

8. Anh Nguyễn Huy K2, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn L1, xã L1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

9. Anh Trương Đăng Q, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn T6, xã L2, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

10. Anh Dương Đình Đ, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Tr, xã T3, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

11. Anh Nguyễn Trọng Đ1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn V1, xã L3, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

12. Anh Lê Minh H1, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn T1, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

13. Anh Lý Văn H2, sinh năm 1994; hộ khẩu thường trú: Bản Ảng, xã P1, huyện B1, tỉnh Sơn La.

14. Anh Vi Đức A, sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú: Thôn T6, xã Đ1, huyện C1, tỉnh Nghệ An.

15. Chị Vũ Thị H3, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn K2, xã H3, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

16. Anh Vì Văn Đ3, sinh năm 1996; hộ khẩu thường trú: Bản Nôn, xã L3, huyện V1, tỉnh Sơn La.

17. Anh Vương Văn B, sinh năm 1992; hộ khẩu thường trú: Bản Loan, xã Y2, huyện B2, tỉnh Hà Giang; nơi tạm trú: Tổ dân phố Bến, phường B1, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

18. Anh Vì Văn C1, sinh năm 1996; hộ khẩu hường trú: Bản Bước, xã P1, huyện B1, tỉnh Sơn La; nơi tạm trú: Tổ dân phố Nguyễn Xá, phường N2, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

19. Anh Phan Trọng D1, sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: Xóm 2, xã V1, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên; nơi tạm trú: Thôn T3, xã T3, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

20. Anh Đinh Văn Đ3, sinh năm 2001; hộ khẩu thường trú: Xóm Nà Chiếu, xã C2, huyện B3, tỉnh Hòa Bình.

21. Anh Trần Đình L3, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn L1, xã L1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

22. Chị Hoàng Thị Thu H3, sinh năm 1995; nơi cư trú: xã Muỗi Nọi, huyện C3, tỉnh Sơn La; tạm trú: Tổ dân phố Nguyễn Xá, phường NHÂN Hoà, thị xã M, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

23. Anh Trương Đình H4, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn L4, xã L1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

24. Anh Nguyễn Huy Kh, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn L1, xã L1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

25. Anh Nguyễn Xuân K2, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: Thôn Cựu Thị, xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

26. Anh Phàng Giàng P1, sinh năm 1998; hộ khẩu thường trú: Păng Khúa, xã L5, huyện B1, tỉnh Sơn La.

27. Anh Đinh Văn Đ3, sinh năm 2001; hộ khẩu thường trú: Xóm Nà Chiếu, xã C2, huyện B3, tỉnh Hòa Bình.

28. Anh Hoàng Văn X, sinh năm 1996; hộ khẩu thường trú: Bản Muống, xã P3, huyện M1, tỉnh Sơn La.

29. Anh Lò Văn Huy, sinh năm 1996; hộ khẩu thường trú: Bản Kích Máng, xã P2, huyện Q, tỉnh Sơn La.

Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 03/01/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y kiểm tra phát hiện tại cửa hàng cầm đồ Thành Đạt ở thôn T1, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, do Bùi Vũ T, sinh năm 1984, ở thôn T1, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên làm chủ, T đang có hành vi nhận số tiền 800.000 đồng của chị Hà Thị T1, sinh năm 1989 ở bản Khảm, xã Tô Múa, huyện V1, tỉnh Sơn La, đồng thời T đang trả cho chị Thu 01 thẻ Căn cước công dân, 01 Giấy phép lái xe mô tô đều mang tên chị Thu và 01 Chứng minh nhân dân, 01 Giấy phép lái xe mô tô đều mang tên anh Hoàng Văn X, sinh năm 1996, ở bản Muống, xã P3, huyện M1, tỉnh Sơn La. Bùi Vũ T khai nhận đã nhận cầm cố các giấy tờ nêu trên để cho anh Luân vay số tiền 600.000 đồng, với lãi suất là 4000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/1 ngày vay vào ngày 01/10/2022, tại cửa hàng cầm đồ của T. Đến ngày 03/01/2023, chị Thu đến cửa hàng cầm đồ và giới thiệu là vợ của anh Luân, chuộc lại giấy tờ do anh Luân cắm, T tính số tiền lãi 01 tháng anh Luân phải trả là 70.000 đồng, số ngày phải chịu lãi là 03 tháng với tổng số tiền lãi là 210.000 đồng, nhưng T chỉ lấy 200.000 đồng cho tròn tiền, như vậy chị Thu phải đưa cho T số tiền 800.000 đồng. Vật chứng thu giữ gồm: Tại vị trí mặt tủ kính kê ngang ở cửa hàng số tiền 800.000 đồng; 01 thẻ Căn cước công dân và 01 Giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Hà Thị Thu; 01 Chứng minh nhân dân và 01 Giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Hoàng Văn X; 01 Giấy thỏa thuận cầm đồ của cửa hàng cầm đồ Thành Đạt.

Ngoài ra, tại Cửa hàng cầm đồ Thành Đạt, Bùi Vũ T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra:

1. 01 Căn cước công dân số 037085014557 và 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô số 031886 đều mang tên Vũ Xuân P, sinh năm 1985, ở xóm 2, xã K1, huyện K, tỉnh Ninh Bình;

2. 01 Giấy chứng minh nhân dân số 061103524 mang tên Lò VănT4, sinh năm 2000, ở xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 051154021 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 26027046 đều mang tên Lường Thị Bỉnh, sinh năm: 2002, nơi cư trú: bản Lừm Hạ, xã P1, huyện B1, tỉnh Sơn La;

3. 01 Căn cước công dân số 0330959003873; 01 Giấy phép lái xe mô tô số 330175003107; 02 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô số 022163 và số 89009222 đều mang tên Phạm Văn D, sinh năm 1995 ở tổ dân phố Y1, P. N2, TX.M, tỉnh Hưng Yên;

4. 01 Căn cước công dân 033088004177 mang tên Nguyễn Văn Huấn, sinh năm 1988 ở tổ dân phố Nguyễn Xá, P. N2, TX. M, tỉnh Hưng Yên; 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô số 033622 mang tên Nguyễn Văn Ánh, sinh năm 1984 ở thôn Thuần Xuyên, xã Hưng Long, Tx. M, Hưng Yên;

5. 01 Căn cước công dân số 033089001040 mang tên Nguyễn Văn H1, sinh năm 1989 ở xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; 01 Chứng minh nhân dân và 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô số 890086 đều mang tên Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1989 ở xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;

6. 01 Căn cước công dân số 033084015243 mang tên Trần Đình L3, sinh năm 1984 ở xã L1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô số 020616 mang tên Trần Văn Bộ ở xã L1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;

7. 01 Giấy phép lái xe mô tô số 330156021056 và 01 thẻ Căn cước công dân số 033093005332 đều mang tên Phạm Văn T5, sinh năm 1993 ở xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; 01 Giấy phép lái xe mô tô số 0385557 mang tên Trần Tích Hùng ở phường Phú Đô, Q.Từ Liêm, TP.Hà Nội;

8. 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 018851 mang tên Vi Văn M, sinh năm 1991 ở thôn B, xã C, huyện C1, tỉnh Nghệ An;

9. 01 Giấy phép lái xe mô tô số 330168017656 mang tên Nguyễn Huy K2, sinh năm 1990 ở xã L1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 024519 mang tên Đỗ Văn Chính ở xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên;

10. 01 quyển Sổ hộ chiếu số 06975136; 01 Giấy phép lái xe mô tô số AC190047 đều mang tên Trương Đăng Q, sinh năm 1988 ở xã L2, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;

11. 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 029288 mang tên Nguyễn Văn S, sinh năm 1993 ở xã V1, huyện V, tỉnh Hưng Yên; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 069476 mang tên Nguyễn Bật T1, sinh năm 1997 ở xã Nhuế D, huyện K, tỉnh Hưng Yên;

12. 01 Giấy phép lái xe mô tô mang tên Dương Đình Đ, sinh năm 1990 ở xã T3, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 033977 mang tên Lương Văn Cường ở P. Quang Trung, TP.Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên;

13. 01 Căn cước công dân số 033088004177 mang tên Nguyễn Văn Huấn, sinh năm 1988 ở P.N2, TX. M, tỉnh Hưng Yên; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tố số 004847 mang tên Nguyễn Thị Anh ở xã Cẩm Xá, TX. M, tỉnh Hưng Yên;

14. 01 Căn cước công dân số 033088004966; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 004967 đều mang tên Nguyễn Trọng Đ1, sinh năm 1988 ở xã L3, huyện Y, tỉnh Hưng Yên;

15. 01 Giấy chứng minh nhân dân số 050878656 và 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lý Văn H2, sinh năm 1994 ở xã Bắc Ngà, huyện B1, tỉnh Sơn La;

16. 01 Căn cước công dân số 033097003044 mang tên Lê Minh H1, sinh năm 1997 ở xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; 01 Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng số 32810487; 01 Hóa đơn giá trị gia tăng số 1146;

17. 01 Giấy chứng minh nhân dân số 186779813 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 013221 đều mang tên Vi Đức A, sinh năm 1991 ở xã Đơn Phúc, huyện C1, tỉnh Nghệ An;

18. 01 Chứng minh nhân dân số 145840022 mang tên Vũ Thị H3, sinh năm 1998 ở xã Tân Việt, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 002635 mang tên Công ty TNHH PT vận tải Thành Long;

19. 01 Chứng minh nhân dân số 050981168; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 26000180 đều mang tên Lò Văn H, sinh năm 1996 ở xã P2, huyện Q, tỉnh Sơn La;

20. 01 Căn cước công dân số 014096009558; 01 bản phô tô công chứng Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đều mang tên Vì Văn Đ3, sinh năm 1996 ở xã L3, huyện V1, tỉnh Sơn La;

21. 01 máy tính xách tay Laptop nhãn hiệu Asus màu bạc, số Intel model: 9461NGW; 01 máy tính xách tay Laptop nhãn hiệu Lenovo màu đen, số: V15IGL (82C30080VN); 01 máy tính xách tay Laptop màu đen, nhãn hiệu HP;

22. 01 Chứng minh nhân dân mang tên Vương Văn B; 01 bản phô tô Đăng ký xe BKS: 23B1-40632, mang tên Vương Văn B, sinh năm 1992, ở xã Y2, huyện B2, tỉnh Hà Giang;

23. 01 Chứng minh nhân dân và 01 Đăng ký xe mô tô BKS: 26B2-70074 đều mang tên Đặng Thị Án, sinh năm 1997 ở xã Chim Vàn, huyện B, tỉnh Sơn La; 01 bản phô tô Chứng minh nhân dân mang tên Vì Văn C1, sinh năm 1996 ở xã P1, huyện B1, tỉnh Sơn La;

24. 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 89F1-25457 và 01 thẻ Căn cước công dân đều mang tên Đặng Thị Phương X1, sinh năm 1999 ở xã V1, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên;

25. 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, BKS: 26H1-079.09, số máy: JA39E2115613, số khung: RLHJA3925MY001269;

26. 25 tờ Giấy thỏa thuận cầm đồ kiêm phiếu xuất tiền của cửa hàng cầm đồ Thành Đạt có địa chỉ tại: thôn T1, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên bên trong đều ghi nội dung vay tiền và cầm cố tài sản, giấy tờ.

Tiến hành khám xét khẩn cấp Cửa hàng cầm đồ *"Thành Đạt"* thuộc thôn T1, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên của Bùi Vũ T, phát hiện thu giữ:

Thu tại mặt tủ kính kê gian giữa cửa hàng cầm đồ 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax màu trắng, số IMEI: 355325328406691 *(không lắp thẻ sim)*; 01 điện thoại di động Iphone XS max màu vàng có số IMEI: 357282090965180 bên trong có lắp 01 thẻ sim Viettel có dãy số 89840.48000.07347.6190.

Tiến hành khám xét khẩn cấp lán để xe ở nhà ông Nguyễn Quốc Mạnh, sinh năm 1945 ở đối diện cửa hàng Cầm đồ Thành Đạt (T thuê lại để sử dụng làm kho chứa), phát hiện thu giữ 20 xe mô tô, gồm:

01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đen, BKS: 26B2-70074; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen - bạc, BKS: 89K4-5391; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu trắng, BKS: 89B1-31930; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đen xám, BKS: 35K1 - 35792; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu xanh, BKS: 29T5-3041; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner màu đỏ - đen - bạc, BKS: 37C1-18439; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đỏ đen, BKS: 89K7-7901; 01 xe mô nhãn hiệu Honda Wave màu đen - bạc, BKS: 26B2-83908; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh, BKS: 26B2 - 56375; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, BKS: 23B1-40632; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, BKS: 89F1-25457; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen - cam, BKS: 37C1-16092; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu đen, BKS: 89B1-37712; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, chưa có Biển kiểm soát (*chưa đăng ký xe*); 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, BKS: 89N1-1414; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu xanh, BKS: 89E1-70372; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner màu trắng - xanh, BKS: 89L1 -34243; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, BKS: 89F1-58281; 01 xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Liberty màu trắng, BKS: 89F1 -15391; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh - đen, BKS: 26P1 -11418.

Cùng ngày, Bùi Vũ T xin đầu thú về hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của mình.

Kết quả điều tra xác định: Bùi Vũ T quê quán tại xã H1, huyện A1, đăng ký thường trú tại thôn T1, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên có đăng ký kinh doanh làm dịch vụ cầm đồ, lấy tên cửa hàng là "Thành Đạt", quá trình kinh doanh, T có cho khách hàng cầm cố, ký gửi các tài sản, giấy tờ (*như xe mô tô, điện thoại, máy tính, thẻ căn cước công dân, chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô,*

giấy phép lái xe mô tô) để vay tiền của T. Trong khoảng thời gian từ ngày 01/02/2022 đến ngày 03/01/2023, Bùi Vũ T đã cho 28 người vay tiền với lãi suất giao động từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/1 ngày vay. Cụ thể như sau:

1- Đối với khoản vay của anh Vũ Xuân P, sinh năm 1985, ở Xóm 2, xã K1, huyện K, tỉnh Ninh Bình:

Ngày 29/9/2022, anh Phương vay số tiền 10.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đen xám, BKS: 35K1 - 35792; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 thẻ Căn cước công dân đều mang tên anh P. Thời hạn trả tiền lãi là 10 ngày một lần, mỗi lần là 300.000 đồng (hoặc 01 tháng đóng lãi một lần = 900.000 đồng, vào ngày 29 hàng tháng). Đến ngày 19/12/2022, anh P đã trả cho T tổng số tiền lãi là 2.400.000 đồng và thỏa thuận đến ngày 08/01/2023 sẽ trả hết tiền gốc đã vay. Như vậy tính đến ngày 03/01/2023, anh Phương phải trả tiền lãi cho T là 420.000 đồng. Đến nay anh Phương chưa trả tiền gốc và số tiền lãi còn lại.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 10.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 94 ngày = 515.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T đã và sẽ thu lợi bất chính là 2.400.000 đồng + 420.000 đồng – 515.000 đồng = 2.305.000 đồng.

2- Đối với khoản vay của anh Lò VănT4, sinh năm 2000, ở thôn N1, xã L, huyện Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

Ngày 28/11/2022, anh Lò Văn T4 vay số tiền 1.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cầm cố giấy tờ cá nhân của anhT4, thời hạn trả tiền lãi là 10 ngày một lần, mỗi lần là 30.000 đồng. Đến ngày 19/12/2022, anh T4 đã trả tiền gốc là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 63.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 1.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 22 ngày = 12.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T đã thu lợi bất chính là 63.000 đồng – 12.000 đồng = 51.000 đồng.

Ngày 19/12/2022, anh Lò VănT4 vay số tiền 12.000.000 đồng của T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, tài sản cầm cố là 01 xe mô nhãn hiệu Honda Wave màu đen - bạc, BKS: 26B2-83908; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 giấy Chứng minh nhân dân đều mang tên Lường Thị B1, sinh năm 2002, ở bản Lừm Hạ, xã P1, huyện B1, tỉnh Sơn La *(vợ của anhT4)* và 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên Lò Văn T4, thời hạn trả tiền lãi là 10 ngày một lần, mỗi lần là 360.000 đồng, đồng thời thỏa thuận thời hạn vay đến ngày 25/01/2023 (ngày anh T4 có tiền lương). Tính đến ngày 03/01/2023, anhT4 phải trả tiền lãi cho T là 16 ngày = 575.000 đồng. Nhưng đến nay anhT4 chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 12.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 16 ngày = 105.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T sẽ thu lợi bất chính theo thỏa thuận là 575.000 đồng – 105.000 đồng = 470.000 đồng.

3- Đối với khoản vay của anh Phạm Văn D, sinh năm 1995 ở tổ dân phố Y1, P.N2, TX. M, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 31/12/2022, anh Phạm Văn D vay số tiền 1.500.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cứ 10 ngày đóng tiền lãi một lần, mỗi lần là 45.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 thẻ Căn cước công dân, 01 Giấy phép lái xe mô tô, 02 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, đều mang tên Phạm Văn D, chưa thỏa thuận thời hạn vay. Theo thỏa thuận vay như trên, đến ngày 03/01/2023 (04 ngày) anh D phải trả số tiền lãi là 18.000 đồng. Đến nay anh D chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 1.500.000 đồng x 20% : 365 ngày x 04 ngày = 3.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T sẽ thu lợi bất chính là 18.000 đồng – 3.000 đồng = 15.000 đồng.

4- Đối với khoản vay của anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988 ở TDP Nguyễn Xá, P.N2, TX.M, tỉnh Hưng Yên:

Ngày 01/4/2022, anh Nguyễn Văn H vay số tiền 500.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cứ 10 ngày đóng tiền lãi một lần, mỗi lần là 15.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 thẻ Căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn H và 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn A2, chưa thỏa thuận thời hạn vay. Theo thỏa thuận vay, đến ngày 03/01/2023 (278 ngày), anh H phải trả cho T số tiền lãi là 417.000 đồng. Đến nay anh H chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 500.000 đồng x 20% : 365 ngày x 278 ngày = 76.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T sẽ thu lợi bất chính là 417.000 đồng – 76.000 đồng = 340.000 đồng.

Ngày 01/7/2022, anh Nguyễn Văn H vay số tiền 3.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, một tháng đóng tiền lãi một lần, mỗi lần là 270.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen - bạc, mang BKS: 89K4-5391; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trên mang tên Trần Thị Anh, sinh năm 1984 ở thôn Cẩm Sơn, xã Cẩm Xá, TX.M, tỉnh Hưng Yên *(vợ của H)* và 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn H. Đến ngày 01/11/2022, Huấn đã trả cho T 1.000.000 đồng tiền lãi. Theo thỏa thuận vay như trên đến ngày 03/01/2023 (187 ngày), anh H còn phải trả cho T số tiền lãi là 683.000 đồng. Đến nay anh H chưa trả T tiền gốc và số tiền lãi còn lại.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 3.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 187

ngày = 307.500 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T đã và sẽ thu lợi bất chính là 1.683.000 đồng – 307.500 đồng = 2.375.600 đồng.

5- Đối với khoản vay của anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1989 ở thôn T1, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 03/12/2022, anh Nguyễn Văn H1 vay số tiền 3.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cứ 10 ngày đóng tiền lãi một lần, mỗi lần là 90.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 máy tích xách tay *(Laptop)* nhãn hiệu HP màu đen, chưa thỏa thuận thời hạn vay. Theo thỏa thuận vay như trên đến ngày 03/01/2023 (32 ngày), anh H1 phải trả cho T số tiền lãi là 288.000 đồng. Đến nay anh H1 chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 3.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 32 ngày = 52.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T sẽ thu lợi bất chính là 288.000 đồng – 53.000 đồng = 235.000 đồng.

Ngày 17/12/2022, anh Nguyễn Văn H1 vay số tiền 12.500.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, thời hạn trả tiền lãi là 10 ngày một lần, mỗi lần là 375.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, BKS: 89F1-58281; 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 giấy Chứng minh nhân dân đều mang tên Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1989 ở thôn T1, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên *(vợ của H1)*, chưa thỏa thuận thời hạn vay. Theo thỏa thuận vay như trên đến ngày 03/01/2023 (17 ngày), anh H1 phải trả số tiền lãi là 637.500 đồng. Đến nay anh H1 chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 12.500.000 đồng x 20% : 365 ngày x 17 ngày = 116.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T sẽ thu lợi bất chính là 637.500 đồng – 116.000 đồng = 521.500 đồng.

6- Đối với khoản vay của anh Trần Đình L3, sinh năm 1984 ở thôn L1, xã L1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 08/11/2022, anh Trần Đình L3 vay số tiền 7.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, thời hạn trả tiền lãi là 10 ngày một lần, mỗi lần là 210.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, BKS: 89N1-1414 cùng giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trần Văn Bộ và 01 giấy CMND mang tên Trần Đình L3, chưa thỏa thuận thời hạn vay. Sáng ngày 03/01/2023, anh Linh đã trả hết số tiền gốc 7.000.000 đồng và trả số tiền lãi 1.200.000 đồng (57 ngày vay) cho T và hẹn đến tối cùng ngày thì lấy tài sản thế chấp.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 7.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 57 ngày = 218.600 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T đã thu lợi bất chính là 1.200.000 đồng – 218.600 đồng = 981.400 đồng.

7- Đối với khoản vay của anh Phạm Văn T5, sinh năm 1993 ở thôn T1, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 01/11/2022, anh Phạm Văn T5 vay số tiền 4.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, thời hạn trả tiền lãi là 01 tháng một lần, mỗi lần là 480.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu xanh, BKS: 29T5-3041; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trần Tích Hùng; 01 giấy phép lái xe mô tô và 01 thẻ căn cước công dân đều mang tên Phạm Văn T5, chưa thỏa thuận thời hạn vay tiền. Theo thỏa thuận vay tiền như trên đến ngày 03/01/2023 (64 ngày), anh Tới phải trả cho T số tiền lãi là 1.024.000 đồng. Đến nay anh Tới chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 4.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 64 ngày = 140.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T sẽ thu lợi bất chính là 1.024.000 đồng – 140.000 đồng = 884.000 đồng.

8- Đối với khoản vay của anh Vi Văn M, sinh năm 1991 ở thôn B, xã C, huyện C1, tỉnh Nghệ An.

Ngày 03/11/2022, anh Vi Văn M vay số tiền 10.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, thời hạn trả tiền lãi là 01 tháng một lần, mỗi lần là 900.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner màu đỏ, BKS: 37C1-18439; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Vi Văn M. Đến ngày 03/12/2022, anh M đã trả cho T số tiền lãi là 900.000 đồng. Theo thỏa thuận vay như trên đến ngày 03/01/2023, anh M phải trả tiếp số tiền lãi là 900.000 đồng. Đến nay anh M chưa trả tiền gốc và số tiền lãi còn lại.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 10.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 62 ngày = 339.700 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T đã và sẽ thu lợi bất chính là 1.800.000 đồng – 339.700 đồng = 1.460.000 đồng.

9- Đối với khoản vay của anh Nguyễn Huy K2, sinh năm 1990 ở thôn L1, xã L1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 09/8/2022, anh Nguyễn Huy K2 vay số tiền 12.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay /01 ngày vay, cứ một tháng đóng tiền lãi một lần, mỗi lần là 1.080.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô Honda AirBlade màu trắng, BKS: 89B1-31930; 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô trên mang tên Đỗ Văn Chính; 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Nguyễn Huy K2. Đến ngày 09/11/2022, anh K2 đã trả cho anh T 03 tháng tiền lãi, với tổng số tiền là 3.240.000 đồng, còn tiền lãi tháng 12 thì anh K2 chưa trả và xin khất đến ngày 09/01/2023 thì đóng tiền lãi một thể, thì T đồng ý. Đến ngày 03/01/2023 anh K2 còn phải trả số tiền lãi là 1.944.000 đồng. Đến nay anh K2 chưa trả tiền gốc và số tiền lãi còn lại.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 12.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 144 ngày = 947.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T đã và sẽ thu lợi bất chính là 5.184.000 đồng – 947.000 đồng = 4.237.000 đồng.

10- Đối với khoản vay của anh Trương Đăng Q, sinh năm 1988 ở thôn T6, xã L2, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 19/12/2022, anh Trương Đăng Q vay số tiền 25.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, thời hạn trả tiền lãi là 10 ngày một lần, mỗi lần là 750.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu xanh, BKS: 89E1-70372; 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Bật Toàn, sinh năm 1997 ở thôn Phú Cường, xã Nhuế D, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên *(là bạn của Quyền)*; 01 quyển sổ hộ chiếu mang tên Trương Đăng Q, chưa thỏa thuận thời hạn vay. Đến ngày 03/01/2023, anh Quyền phải trả tiền lãi là 1.125.000 đồng. Ngày 02/01/2023, anh Quyền đã trả được số tiền lãi là 800.000 đồng, số tiền lãi còn lại anh Quyền xin khất đến ngày 09/01/2023, thì sẽ trả cả gốc và lãi một thể. Đến nay anh Quyền chưa trả tiền gốc và số tiền lãi còn lại.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 25.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 15 ngày = 205.500 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T đã và sẽ thu lợi bất chính là 1.125.000 đồng – 205.500 đồng = 919.500 đồng.

Ngày 02/01/2023, anh Trương Đăng Q vay số tiền 20.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cứ 10 ngày trả lãi một lần, mỗi lần là 600.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner màu trắng - xanh, BKS: 89L1-34243; 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn Sơn, sinh năm 1993 ở thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên *(là bạn của Quyền)* và 01 Giấy phép lái xe mô tô mang tên Trương Đăng Q, chưa thỏa thuận thời hạn vay. Như vậy, đến ngày 03/01/2023 (02 ngày), anh Quyền phải trả số tiền lãi là 120.000 đồng. Đến nay anh Quyền chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 20.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 02 ngày = 22.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T sẽ thu lợi bất chính là 120.000 đồng – 22.000 đồng = 98.000 đồng.

11- Đối với khoản vay của anh D Đình Đều, sinh năm 1990 ở thôn Tam Trạch, xã T3, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 19/12/2022, anh D Đình Đều vay số tiền 16.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cứ 10 ngày trả lãi một lần, mỗi lần là 480.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu đen, BKS: 89B1-37712; 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô trên mang tên Lương Văn Cường; 01 Giấy phép lái xe mô tô mang tên D Đình Đều, chưa thỏa thuận thời hạn vay. Theo thỏa thuận vay tiền

như trên, đến ngày 03/01/2023 (16 ngày) anh Đều phải trả số tiền lãi là 768.000 đồng. Đến nay anh Đều chưa trả tiền gốc, chưa trả tiền lãi cho T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 16.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 16 ngày = 140.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T sẽ thu lợi bất chính là 768.000 đồng – 140.000 đồng = 628.000 đồng.

12- Đối với khoản vay của anh Nguyễn Trọng Đ1, sinh năm 1988 ở thôn V1, xã L3, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 24/11/2022, anh Đ1 vay số tiền 5.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cứ 10 ngày đóng tiền lãi một lần, mỗi lần là 150.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 xe mô Honda Wave RSX, màu đen đỏ, BKS: 89K7-7901; 01 thẻ Căn cước công dân; 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô đều mang tên Nguyễn Trọng Đ1. Tính đến ngày 03/01/2023 (40 ngày), thì anh Đ1 phải trả cho T 600.000 đồng tiền lãi. Đến nay, anh Đạt đã trả được 200.000 đồng tiền lãi, chưa trả tiền gốc và số tiền lãi còn lại.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 5.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 40 ngày = 109.600 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T đã và sẽ thu lợi bất chính là 600.000 đồng – 109.600 đồng = 490.400 đồng.

13- Đối với khoản vay của anh Lý Văn H2, sinh năm 1994 ở bản Ảng, xã P1, huyện B1, tỉnh Sơn La.

Ngày 09/12/2022, anh Lý Văn H2 vay số tiền 13.300.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cứ 10 ngày đóng tiền lãi một lần, mỗi lần là 400.000 đồng, tài sản cầm cố 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh, BKS 26B2-56375; 01 Chứng minh nhân dân và 01 bản sao giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô đều mang tên Lý Văn H2. Đến ngày 22/12/2022, anh H2 đã thỏa thuận với T trả trước tiền lãi của khoản vay trên đến ngày 10/01/2023, thì T đồng ý và cầm số tiền lãi là 1.200.000 đồng (30 ngày). Đến nay anh Học chưa trả tiền gốc.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 13.300.000 đồng x 20% : 365 ngày x 30 ngày = 218.600 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T đã thu lợi bất chính là 1.200.000 đồng – 218.600 đồng = 981.400 đồng.

14- Đối với khoản vay của anh Lê Minh H1, sinh năm 1997 ở thôn T1, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 19/12/2022, anh Lê Minh H1 vay số tiền số tiền 15.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cứ 10 ngày đóng tiền lãi một lần, mỗi lần là 450.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, chưa có Biển kiểm soát (*chưa đăng ký xe*); 01 phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng; 01 hóa đơn giá trị gia tăng, chưa thỏa thuận thời hạn vay. Như vậy, đến ngày 03/01/2023 (16 ngày), anh Hiếu phải

trả cho T số tiền lãi là 720.000 đồng. Đến nay anh H1 chưa trả tiền gốc, chưa trả tiền lãi cho T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 15.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 16 ngày = 131.500 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T sẽ thu lợi bất chính là 720.000 đồng – 131.500 đồng = 588.500 đồng.

15- Đối với khoản vay của anh Vi Đức A, sinh năm 1991 ở thôn Tổng Tến, xã Đ1, huyện C1, tỉnh Nghệ An.

Ngày 24/12/2022, anh Vi Đức A vay số tiền số tiền 13.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày, cứ 10 ngày đóng tiền lãi một lần, mỗi lần là 390.000 đồng, tài sản cầm cố là 01xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen-cam, BKS: 37C1-16092; 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Vi Đức A. Đến ngày 03/01/2023, anh A đã thỏa thuận với T trả trước tiền lãi của khoản vay trên đến ngày 06/01/2023 (14 ngày) là 500.000 đồng; đồng thời vay thêm 2.000.000. Đến nay anh A chưa trả cho T tiền gốc 15.000.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 13.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 14 ngày = 99.700 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T đã thu lợi bất chính là 500.000 đồng – 99.700 đồng = 400.300 đồng.

16- Đối với khoản vay của chị Vũ Thị H3, sinh năm 1998 ở thôn K2, xã H3, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 26/12/2022, chị Vũ Thị H3 vay số tiền 5.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cứ 10 ngày đóng tiền lãi một lần, mỗi lần là 150.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô Piaggio Liberty màu trắng, BKS: 89F1-15391; 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Công ty TNHH PT vận tải Thành Long; 01 Chứng minh nhân mang tên Vũ Thị H3, thỏa thuận thời hạn vay đến ngày 05/01/2023. Tính đến ngày 03/01/2023 (09 ngày) chị Hằng phải trả tiền lãi cho T là 135.000 đồng. Đến nay chị H3 chưa trả tiền gốc, chưa trả tiền lãi cho T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 5.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 09 ngày = 25.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T sẽ thu lợi bất chính là 135.000 đồng – 25.000 đồng = 110.000 đồng.

17- Đối với khoản vay của anh Vì Văn Đ3, sinh năm 1996 ở bản Nôn, xã L3, huyện V1, tỉnh Sơn La.

Ngày 17/10/2022, anh Vì Văn Đ3 vay số tiền 12.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cứ 10 ngày đóng tiền lãi một lần, mỗi lần là 360.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh đen, BKS: 26P1-11418; 01 bản phô tô giấy Đăng ký xe và 01 thẻ Căn cước công dân tên Vì Văn Đ3, không thỏa thuận

thời hạn vay. Như vậy, đến ngày 03/01/2023 (78 ngày), anh Đông phải trả cho T tổng số tiền lãi là 2.808.000 đồng, tuy nhiên anh Đông đã trả trước được 500.000 đồng tiền lãi. Đến nay chưa trả tiền gốc và số tiền lãi còn lại.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 12.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 78 ngày = 513.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T đã và sẽ thu lợi bất chính là 2.808.000 đồng – 513.000 đồng = 2.295.000 đồng.

18- Đối với khoản vay của anh Vương Văn B, sinh năm 1992 ở bản Loan, xã Y2, huyện B2, tỉnh Hà Giang.

Ngày 12/12/2022, anh Vương Văn B vay số tiền 5.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cứ 10 ngày đóng lãi một lần, mỗi lần là 200.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu trắng, BKS: 23B1-40632; 01 bản phô tô đăng ký xe và 01 Chứng minh nhân dân đều mang tên Vương Văn B, không thỏa thuận thời hạn vay. Như vậy, đến ngày 03/01/2023 (23 ngày) anh Tới phải trả tiền lãi cho T là 460.000 đồng. Đến nay anh Tới chưa trả tiền gốc, chưa trả tiền lãi cho T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 5.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 23 ngày = 63.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T sẽ thu lợi bất chính là 460.000 đồng – 63.000 đồng = 397.000 đồng.

19- Đối với khoản vay của anh Vì Văn C1, sinh năm 1996 ở Bản Ước, xã P1, huyện B1, tỉnh Sơn La:

Ngày 01/02/2022, anh Vì Văn C1 vay số tiền 10.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cứ 10 ngày thì đóng tiền lãi một lần, mỗi lần là 300.000 đồng, trả tiền lãi vào các ngày 11, 21, 31 hàng tháng *(nếu tháng nào không có 31 ngày thì trả tiền lãi vào ngày cuối cùng của tháng)*, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng (*chưa rõ BKS*). Đến ngày 11/10/2022, anh Thực đã trả cho T 25 kỳ tiền lãi với tổng số tiền là 7.500.000 đồng, rồi mang xe mô tô nhãn hiệu Yahama Sirius màu đen, BKS: 26B2-63833 của anh C1 đến đổi tài sản thế chấp khoản vay nêu trên. Đến ngày 11/11/2022, anh C1 trả thêm 03 kỳ lãi với tổng số tiền là 900.000 đồng, rồi anh C1 mang xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đen, BKS: 26B2-70074; 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Đặng Thị A3 sinh năm 1997 ở bản Vàn, xã Chim Vàn, huyện B1, tỉnh Sơn La *(là người yêu của anh* C1) để đổi lại tài sản thế chấp của khoản vay này. Đến ngày 31/12/2022, anh C1 trả thêm 05 kỳ lãi với tổng số tiền 1.500.000 đồng và trả hết số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Như vây, anh C1 đã trả cho T tổng cộng 33 kỳ lãi x 10 ngày/ 01 kỳ = 330 ngày là 9.900.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 10.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 330 ngày = 1.808.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T đã thu lợi bất chính là 9.900.000 đồng – 1.808.000 đồng = 8.092.000 đồng.

Ngày 31/12/2022, từ tài sản thế chấp ở lần vay trước, anh Thực vay tiếp số tiền 13.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cứ 10 ngày đóng tiền lãi một lần, mỗi lần là 390.000 đồng và chưa thỏa thuận thời hạn vay. Đến nay anh Thực chưa trả tiền gốc và tiền lãi của khoản vay này. Như vậy, đến ngày 03/01/2023 (04 ngày), anh Thực phải trả cho T 156.000 đồng tiền lãi.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 13.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 4 ngày = 28.500 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T sẽ thu lợi bất chính theo thỏa thuận là 156.000 đồng – 28.500 đồng = 127.500 đồng.

20- Đối với khoản vay của anh Phan Trọng D1, sinh năm 1987 ở xóm 2, xã V1, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 20/12/2022, anh Phan Trọng D1 vay số tiền 10.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cứ 10 ngày thì đóng tiền lãi một lần, mỗi lần là 300.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, BKS: 89F1-25457; 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 thẻ Căn cước công dân mang tên Đặng Thị Phương Xa, sinh năm 1999 ở xóm 2, xã V1, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên *(là vợ của D1)*. Đến ngày 23/12/2022 (03 ngày), anh Tiến đã trả cho T 10.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi là 90.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 10.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 03 ngày = 16.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T đã thu lợi bất chính là 90.000 đồng – 16.000 đồng = 74.000 đồng.

Ngày 03/01/2023, anh Phan Trọng D1 vay số tiền 10.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cứ 10 ngày thì đóng tiền lãi một lần, mỗi lần là 300.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, BKS: 89F1-25457; 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 thẻ Căn cước công dân mang tên Đặng Thị Phương Xa. Như vậy, đến ngày 03/01/2023 (01 ngày), anh Tiến phải trả lãi cho T là 30.000 đồng. Đến nay anh Tiến chưa trả tiền gốc, chưa trả tiền lãi cho T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 10.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 01 ngày = 5.500 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T sẽ thu lợi bất chính là 30.000 đồng – 5.500 đồng = 24.500 đồng.

21- Đối với khoản vay của chị Hoàng Thị Thu H3, sinh năm 1995 ở xã Muổi Nọi, huyện C3, tỉnh Sơn La.

Ngày 30/9/2022, chị Hoàng Thị Thu H3 vay số tiền 15.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cứ 10 ngày đóng tiền lãi một lần, mỗi lần là 450.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng, BKS: 26B2-72874. Đến ngày

10/10/2022, chị Hằng đã trả cho T 15.000.000 đồng tiền gốc và trả số tiền lãi 01 kỳ 10 ngày là 450.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 15.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 10 ngày = 82.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T đã thu lợi bất chính là 450.000 đồng – 82.000 đồng = 368.000 đồng.

Ngày 10/10/2022, chị Hoàng Thị Thu H3 vay số tiền 20.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cứ 10 ngày đóng tiền lãi một lần, mỗi lần là 600.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng, BKS: 26B2-72874 của chị Hằng. Do chị Hằng không trả tiền lãi được nên ngày 10/11/2022, chị Hằng đã bán xe này cho T với số tiền 25.000.000 đồng, sau đó T trừ số tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi chị Hằng phải chịu là 1.800.000 đồng (03 kỳ 10 ngày), rồi trả lại cho chị Hằng số tiền 3.200.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 20.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 30 ngày = 328.800 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T đã thu lợi bất chính là 1.800.000 đồng – 328.800 đồng = 1.471.200 đồng.

22- Đối với khoản vay của anh Trương Đình H4, sinh năm 1994 ở thôn L4, xã L1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 05/9/2022, anh Trương Đình H4 vay số tiền 1.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/01 ngày vay, cứ 01 tháng đóng tiền lãi một lần, mỗi lần là 90.000 đồng, cầm cố 01 Chứng minh nhân dân; 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 Giấy phép lái xe đều mang tên Trương Đình H4. Đến ngày 05/10/2022, anh Hiếu đã trả cho T tiền gốc 1.000.000 đồng và tiền lãi là 90.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 1.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 30 ngày = 16.400 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T đã thu lợi bất chính là 90.000 đồng – 16.400 đồng = 73.600 đồng.

Ngày 14/10/2022, anh Trương Đình H4 vay số tiền 13.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cứ 10 ngày đóng tiền lãi một lần, mỗi lần là 390.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, BKS: 89M1-13603; 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 Chứng minh nhân dân của Trương Đình H4. Tuy nhiên Hiếu không có tiền đóng lãi, nên khất T nhiều lần, thì T đồng ý khi nào có tiền thì đóng lãi một thể. Đến ngày 30/12/2022, Hiếu đã trả cho T 13.000.000 đồng tiền gốc và trả tổng số tiền lãi là 3.003.000 đồng (77 ngày).

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 13.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 77 ngày = 548.500 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T đã thu lợi bất chính là 3.003.000 đồng – 548.500 đồng = 2.454.500 đồng.

23- Đối với khoản vay của anh Nguyễn Huy Khánh, sinh năm 1991 ở thôn L1, xã L1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 01/3/2022, anh Nguyễn Huy Khánh vay số tiền 8.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cứ 10 ngày đóng tiền lãi một lần, mỗi lần là 240.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh - trắng, BKS: 89M1-12566; 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 thẻ Căn cước công dân đều mang tên anh Khánh. Khi đến thời hạn đóng tiền lãi, Khánh không có tiền nên thỏa thuận với T khi nào có tiền thì đóng tiền lãi và trả tiền gốc một lần, thì T đồng ý. Đến ngày 19/10/2022, anh Khánh đã trả cho T 8.000.000 đồng tiền gốc và trả tổng số tiền lãi là 5.712.000 đồng (238 ngày).

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 8.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 238 ngày = 1.043.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T đã thu lợi bất chính là 5.712.000 đồng – 1.043.000 đồng = 4.669.000 đồng.

24- Đối với khoản vay của anh Nguyễn Xuân K2, sinh năm 1988 ở thôn Cựu Thị, xã Đ2, huyện A2, tỉnh Hưng Yên.

Ngày 10/10/2022, anh Nguyễn Xuân K2 vay số tiền 5.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cứ 10 ngày đóng tiền lãi một lần, mỗi lần là 200.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, BKS: 89F8-8896; 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 thẻ Căn cước công dân đều mang tên anh K2. Đến ngày 27/12/2022, anh K2 đã trả cho T 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.540.000 đồng tiền lãi (77 ngày).

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 5.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 77 ngày = 211.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T đã thu lợi bất chính là 1.540.000 đồng – 211.000 đồng = 1.329.000 đồng.

25- Đối với khoản vay của anh Phàng Giàng P1, sinh năm 1998 ở thôn Păng Khúa, xã L5, huyện B1, tỉnh Sơn La.

Ngày 15/10/2022, anh Phàng Giàng P1 vay số tiền 16.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cứ 10 ngày đóng tiền lãi một lần, mỗi lần là 480.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh, BKS: 26B2-62986; 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 thẻ Căn cước công dân đều mang tên anh Páo. Đến ngày 05/11/2022, anh Páo đã trả cho T 16.000.000 đồng tiền gốc và trả tổng số tiền lãi là 960.000 đồng (20 ngày).

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 16.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 20 ngày = 175.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T đã thu lợi bất chính là 960.000 đồng – 175.000 đồng = 785.000 đồng.

26- Đối với khoản vay của anh Đinh Văn Đ3, sinh năm 2001 ở xóm Nà Chiếu, xã C2, huyện B3, tỉnh Hòa Bình.

Ngày 30/12/2022, anh Đinh Văn Đ3 vay số tiền 2.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/ 1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, tài sản cầm cố là 01 máy tính xách tay Laptop, nhãn hiệu Lenovo màu đen, số: V15IGL (82C30080VN) của anh Đức, thỏa thuận thời hạn vay từ ngày 30/12/2022 đến ngày 09/01/2023. Số tiền lãi Đức sẽ trả cho T đến ngày 03/01/2023 là 50.000 đồng (05 ngày). Đến nay anh Đức chưa trả tiền gốc, chưa trả tiền lãi cho T.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 2.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 05 ngày = 5.500 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T sẽ thu lợi bất chính là 50.000 đồng – 5.500 đồng = 44.500 đồng.

27- Đối với khoản vay của anh anh Hoàng Văn X, sinh năm 1996 ở bản Muống, xã P3, huyện M1, tỉnh Sơn La.

Ngày 01/10/2022, anh Hoàng Văn X vay số tiền 600.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 4.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cầm cố 01 Chứng minh nhân dân; 01 Giấy phép lái xe mô tô đều mang tên anh Hoàng Văn X và 01 thẻ Căn cước công dân; 01 Giấy phép lái xe mô tô đều mang tên chị Hà Thị Thu, sinh năm 1989 ở Bản Khảm, xã Tô Múa, huyện V1, tỉnh Sơn La *(vợ sắp cưới của Luân)*, không thỏa thuận thời hạn trả tiền lãi. Đến ngày 03/01/2023, chị Thu đến trả cho T 600.000 tiền gốc và 200.000 đồng tiền lãi.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 600.000 đồng x 20% : 365 ngày x 95 ngày = 31.000 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T đã thu lợi bất chính là 200.000 đồng – 31.000 đồng = 169.000 đồng.

28- Đối với khoản vay của anh anh Lò Văn H4, sinh năm 1996 ở bản Kích Máng, P2, Q, Sơn La.

Ngày 23/12/2022, anh Lò Văn H4 vay số tiền 8.000.000 đồng của Bùi Vũ T với lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, cứ 10 ngày đóng tiền lãi một lần, mỗi lần là 240.000 đồng, tài sản cầm cố là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu trắng, BKS: 26H1-079.09; 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 Chứng minh nhân dân của anh H4, thỏa thuận thời hạn vay đến ngày 03/01/2023 (12 ngày), số tiền lãi là 288.000 đồng. Khoảng một tháng sau khi T bị phát hiện vì cho vay lãi nặng, thì anh H4 đã trả cho T 8.000.000 đồng tiền gốc, còn toàn bộ tiền lãi thì T không yêu cầu anh H4 trả nữa.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/ năm của khoản vay là: 8.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 12 ngày = 52.600 đồng. Như vậy, số tiền lãi mà Bùi Vũ T đã thu lợi bất chính là 288.000 đồng – 52.600 đồng = 235.400 đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ 01/02/2022 đến 03/01/2023 Bùi Vũ T đã thực hiện 36 giao dịch cho 28 người vay tổng số 339.400.000 đồng, với lãi suất từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/ 01 ngày, tương đương lãi suất năm là 109,5% - 182,5%/ 01 năm, cao hơn mức lãi suất cao nhất nhà nước quy định là từ 5,475 lần đến 9,125 lần. Tổng số tiền lãi được tính trên số tiền vay, lãi suất vay, ngày tính lãi là 48.414.500 đồng (thực tế đã thu được là 35.748.000 đồng, còn 12.666.500 đồng sẽ thu cho đến ngày thỏa thuận trả lãi hoặc đến ngày bị phát hiện). Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thì tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/năm tương đương với số tiền 9.019.000 đồng, nên số tiền lãi mà Bùi Vũ T đã và sẽ thu lợi bất chính là 39.395.500 đồng.

Kết quả điều tra đã làm rõ những người vay dùng tài sản của người khác để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ đều được sự đồng ý của người sở hữu tài sản.

Về vật chứng của vụ án: Tất cả các tài sản, giấy tờ của những người liên quan giao cho T để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại chủ sở hữu theo quy định, cụ thể:

1- Trả anh Vũ Xuân P 01 xe mô tô Honda Wave RSX màu đen, BKS: 35K1-357.92, số khung 3825KY001268, số máy JA38E0437912; 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe và 01 thẻ Căn cước công dân đều mang tên Vũ Xuân P;

2- Trả chị Lường Thị Bỉnh 01 xe mô Honda Wave màu đen-bạc, BKS: 26B2-83908, số khung RLHJA3920NY099757, số máy JA39E2596667; 01 giấy Chứng nhận đăng ký xe và 01 CMND đều mang tên Lường Thị Bỉnh;

3- Trả anh Lò VănT4 01 Chứng minh nhân dân;

4- Trả anh Phạm Văn D 01 Căn cước công dân, 01 Giấy phép lái xe mô tô, 02 Chứng nhận đăng ký xe mô tô;

5- Trả anh Nguyễn Văn Huấn 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen - bạc, BKS: 89K4-5391, số máy: 5C63-148770, số khung: C6308Y148770; 01 Chứng nhận đăng ký xe mang tên Trần Thị Anh; 01 Chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn Ánh; 02 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Huấn;

6 - Trả chị Nguyễn Thị Hồng 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, mang BKS: 89F1-58281, số khung RLHJA3924MY094933, số máy JA39E2212234; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 Chứng minh nhân dân;

7 - Trả anh Nguyễn Văn H1 01 máy tính xách tay (laptop) nhãn hiệu HP, màu đen và 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn H1;

8- Trả anh Trần Đình L3 01 xe mô tô Honda Dream màu nâu, mang BKS: 89N1-1414, số khung 0803AY017236, số máy A08E-1317192; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trần Văn Bộ; 01 Căn cước công dân mang tên Trần Đình L3;

9- Trả anh Phạm Văn T5 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu xanh, mang BKS: 29T5-3041, số khung Y065733, số máy T2-65733; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trần Tích Hùng; 01 Giấy phép lái xe mô tô và 01 Căn cước công dân đều mang tên Phạm Văn T5;

10- Trả anh Vi Văn M 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner, màu đỏ, BKS: 37C1-184.39, số khung 3708KY041133, số máy KC34E1083582; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Vi Văn M;

11- Trả anh Nguyễn Huy K2 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu trắng, mang BKS: 89B1-31930, số máy: JF63E1015303, số khung: 6309FZ015294; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Đỗ Văn Chính; 01 Giấy phép lái xe mô tô mang Nguyễn Huy K2;

12 - Trả anh Nguyễn Bật Toàn, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu xanh, mang BKS: 89E1-70372, số khung 950XLY018706, số máy JF95E0029680; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Bật Toàn;

13- Trả anh Nguyễn Văn Sơn 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner màu trắng - xanh, mang BKS: 89L1 - 34243, số khung 3716LY003992, số máy KC34E1102700; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn Sơn;

14- Trả anh Trương Đăng Q 01 quyển Sổ hộ chiếu số 06975136; 01 Giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Trương Đăng Q;

15- Trả anh D Đình Đều 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu đen, mang BKS: 89B1-37712, số máy: JF63E1068335, số khung: 6300FZ068711; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lương Văn Cường; 01 Giấy phép lái xe mô tô mang tên D Đình Đều;

16- Trả anh Nguyễn Trọng Đ1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu đen đỏ, mang BKS: 89K7-7901, số máy: C43E-5002127, số khung: 4327AY001469; 01 Căn cước công dân, 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô đều mang tên Nguyễn Trọng Đ1;

17- Trả anh Lý Văn H2 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh, mang BKS: 26B2 - 56375, số khung 1010LY285899, số máy G3D4E1056930; 01 Chứng minh nhân dân và 01 bản sao giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lý Văn H2;

18- Trả anh Lê Minh H1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu đen, số máy: JA39E-2932616, số khung: RLHJA3922NY732940 *(chưa có biển kiểm soát);* 01 Hóa đơn giá trị gia tăng thể hiện việc mua xe mô tô trên; 01 Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của xe mô tô trên; 01 Căn cước công dân mang tên Lê Minh H1;

19- Trả anh Vi Đức A 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu cam đen, BKS: 37C1-160.92, số khung 1010KY113244, số máy G3D4E879461; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 Chứng minh nhân dân đều mang tên Vi Đức A;

20- Trả chị Vũ Thị H3 01 xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Liberty màu trắng, BKS: 89F1-15391, số khung 710000060660, số máy M389M2016926; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Công ty TNHH PT vận tải Thành Long; 01 Chứng minh nhân mang tên Vũ Thị H3;

21- Trả anh Vì Văn Đ3 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh đen, BKS: 26P1-11418, số khung RLCUG1010NY371365, số máy G3D4E1142404; 01 Căn cước công dân mang tên Vì Văn Đ3;

22- Trả anh Vương Văn B 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu trắng, BKS: 23B1-40632, số khung 3900HY344902, số máy JA39E0344937; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Vương Văn B;

23- Trả chị Đặng Thị Án 01 xe mô tô Honda Vision màu đen, BKS: 26B2-70074, số máy: JK03E5270851, số khung: RLHJK0319MZ065384; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 CMND mang đều mang tên Đặng Thị Án;

24- Trả chị Đặng Thị Phương Xa 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, BKS: 89F1-25457, số khung 5810GY045173, số máy JF66E0045218; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 Căn cước công dân đều mang tên Đặng Thị Phương Xa;

25- Trả anh Đinh Văn Đ3 01 máy tính xách tay Laptop, nhãn hiệu Lenovo màu đen, số: V15IGL (82C30080VN);

26- Trả chị Hà Thị Thu 01 Căn cước công dân; 01 Giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Hà Thị Thu;

27 – Trả anh Hoàng Văn X 01 Chứng minh nhân dân; 01 Giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Hoàng Văn X;

28- Trả anh Lò Văn Huy 01 xe mô tô Honda Wave, màu trắng, BKS: 26H1-079.09, số máy: JA39E2115613, số khung: RLHJA3925MY001269; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 Chứng minh nhân dân đều mang tên Lò Văn Huy;

29- Trả Bùi Vũ T 01 máy tính xách tay Laptop, nhãn hiệu Asus màu bạc, số Intel model: 9461NGW.

Còn lại một số vật chứng đang quản lý tại Kho vật chứng và Tài khoản tạm gửi của Công an huyện Y như: 01 quyển sổ màu xanh, kích thước (21x15)cm, sổ ghi Giấy thỏa thuận cầm đồ kiêm phiếu xuất tiền của cửa hàng cầm đồ Thành Đạt; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu trắng, số IMEI: 355325328406691 *(không lắp sim);* 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max, màu vàng, số IMEI chính: 35728209081321, lắp 01 sim nhà mạng Viettel, trên mặt sim có dãy số 89840 48000 07397 6190 và số tiền 800.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Tất cả những người liên quan đều không yêu cầu Bùi Vũ T phải hoàn trả các khoản tiền lãi vượt quá quy định.

Bùi Vũ T là chủ cửa hàng cầm đồ Thành Đạt có Giấy đăng ký kinh doanh, nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn trật tự, Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị Công an huyện Y xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra, Bùi Vũ T đã thành khẩn khai nhận hành vi Cho vay lãi nặng như đã nêu trên.

Cáo trạng số 72/CT-VKS-YM ngày 31/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo Bùi Vũ T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, trình bày gia đình bị cáo rất hoàn cảnh, mẹ bị cáo mất khi bị cáo đang học phổ thông, bố bị cáo bị tàn tật từ nhỏ gần như không lao động được, hiện bố bị cáo đang được hưởng chế độ của người tàn tật, bị cáo là lao động chính, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo. Đề nghị Hội đồi xét xử, tuyên bố: Bị cáo Bùi Vũ T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; điểm b, khoản 1 Điều 32; Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Bùi Vũ T từ 55.000.000 đồng đến 65.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước. Truy thu số tiền gốc bị cáo T đã nhận lại của những người vay và lãi 20% theo quy định. Ghi nhận bị cáo nộp trước phiên toà 100 triệu đồng để thực hiện nghĩa vụ truy thu. Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền vay 224.800.000 đồng của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chưa thanh toán trả bị cáo. Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 800.000 đồng; Lưu theo hồ sơ vụ án 01 quyển sổ mầu xanh, kích thước 15x21cm, sổ ghi Giấy thỏa thuận cầm đồ kiêm phiếu xuất tiền của cửa hàng cầm đồ Thành Đạt, địa chỉ xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Trả bị cáo Bùi Vũ T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphon 13 Promax và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max không liên quan đến hành vi phạm tội. Ngoài ra, Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Xét thấy những người trên đã được triệu tập hợp lệ, tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ. Căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Điều tra - Công an huyện Y và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Y và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa sơ thẩm đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu

chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản khám xét; vật chứng thu giữ; lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, của người làm chứng; sổ ghi chép các khoản vay; kết luận giám định về chữ viết, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ xác định:

Với động cơ vụ lợi: Trong khoảng thời gian từ ngày 01/02/2022 đến ngày 03/01/2023, tại cửa hàng cầm đồ "Thành Đạt" ở thôn T1, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, Bùi Vũ T đã sử dụng số tiền 339.400.000 đồng cho 28 người vay bằng 36 khoản vay, với lãi suất từ 3.000 - 5.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày vay, tương đương mức lãi suất từ 0,3% đến 0,5%/1 ngày (tương ứng 109,5% - 182,5%/ 1 năm), cao hơn 5,475 – 9,125 lần của mức lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền lãi T đã và sẽ thu là 48.414.500 đồng, số tiền T đã và sẽ thu lợi bất chính là 39.395.500 đồng. Thực tế T đã thu tiền lãi bất chính là 35.748.000 đồng.

Bị cáo Bùi Vũ T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi cho vay với lãi suất gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lời bất chính thực tế số tiền 35.748.000 đồng của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo theo cáo trạng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. *Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng và trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì động cơ vụ lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[5]. *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:*

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi bị phát hiện bị cáo ra đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; bị cáo nộp 100.000.000 đồng trước phiên toà để thực hiện nghĩa vụ truy thu. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng nhưng vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[5]. *Về hình phạt*: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, hoàn cảnh gia đình của bị cáo; trên cơ sở đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt đối với bị cáo, tạo điều kiện cho

bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, khuyết điểm của bản thân như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y là có căn cứ.

[6]. *Về trách nhiệm dân sự*: Trong khoảng thời gian từ ngày 01/02/2022 đến ngày 03/01/2023, Bùi Vũ T cho vay lãi nặng thu lãi suất vượt quá 20%/năm, thu lợi tổng số tiền là 39.395.500 đồng, thực tế đã thu 35.748.000 đồng: Kết quả điều tra xác định những người vay tiền của bị cáo đều không dùng tiền vay vào mục đích bất hợp pháp còn những người vay không có yêu cầu đề nghị gì về trách nhiệm dân sự và không yêu cầu bị cáo hoàn trả khoản tiền này nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. *Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:*

- Đối với số tiền 800.000 đồng thu giữ của bị cáo Bùi Vũ T là tiền liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với khoản tiền lãi 20%/năm bị cáo thự tế nhận được từ những người vay tương ứng với số tiền 35.748.000 đồng, đây là số tiền lãi phát sinh từ hành vi phạm tội nên truy thu sung ngân sách Nhà nước và khoản tiền (tiền gốc) 114.600.000 đồng bị cáo sử dụng để cho vay lãi nặng bị cáo đã nhận lại, được xác định là phương tiện phạm tội nên sẽ truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước. Như vậy, tổng số tiền truy thu của bị cáo để sung ngân sách Nhà nước của hai khoản tiền trên là 150.348.000 đồng. Đã thu của bị cáo 800.000 đồng trong quá trình điều tra (Số tiền hiện đang gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Y). Bị cáo còn phải nộp 149.548.000 đồng (*Một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

Ghi nhận bị cáo đã tự nguyện nộp trước để khắc phục hậu quả 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0005570 ngày 06/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, bị cáo phải nộp tiếp số tiền truy thu còn lại là 49.548.000 đồng (*Bốn mươi chín triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) để sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 02 chiếc điện thoại di động Iphon 13 Promax và Iphone XS Max thu giữ của T không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với: 01 quyển sổ mầu xanh, kích thước 15x21cm, sổ ghi Giấy thỏa thuận cầm đồ kiêm phiếu xuất tiền của cửa hàng cầm đồ Thành Đạt, địa chỉ xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên là tài liệu, chứng cứ có ý nghĩa chứng minh tội phạm nên cần được tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

- Truy thu số tiền vay chưa trả của các anh, chị: Vũ Xuân P, Lò VănT4, Phạm Văn D, Nguyễn Văn Huấn, Nguyễn Văn H1, Phạm Văn T5, Vì Văn M, Nguyễn Huy K2, Trương Đăng Q, D Đình Đều, Nguyễn Trọng Đ1, Lý Văn H2, Lê Minh H1, Vi Đức A, Vũ Thị H3, Vì Văn Đ3, Vương Văn B, Vì Văn C1, Pham Trọng Tiến và Đinh Văn Đ3 sung ngân sách nhà nước:

[8]. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 3; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; điểm b, khoản 1 Điều 32; Điều 35 Bộ luật hình sự.

II. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Vũ T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

III. Xử phạt: Bị cáo Bùi Vũ T 55.000.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu đồng*) sung ngân sách Nhà nước.

Tiền phạt nộp một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

IV. Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Truy thu, sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Bùi Vũ T 149.548.000 đồng (*Một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng*). Ghi nhận bị cáo đã nộp trước 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0005570 ngày 06/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Truy thu tiếp số tiền còn lại của bị cáo Bùi Vũ T 49.548.000 đồng (*Bốn mươi chín triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

- Truy thu số tiền vay của những người sau đây, sung ngân sách nhà nước:

1. Anh Vũ Xuân P, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: Xóm 2, xã K1, huyện K, tỉnh Ninh Bình; tạm trú: Thôn B, xã T3, huyện Y, tỉnh Hưng Yên 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

2. Anh Lò VănT4, sinh năm 2000; hộ khẩu thường trú: Bản N1, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái; tạm trú: Thôn H, xã L1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*).

3. Anh Phạm Văn D, sinh năm 1995; nơi cư trú: Tổ dân phố Y1, phường N2, thị xã M, tỉnh Hưng Yên 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

4. Anh Nguyễn Văn Huấn, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ dân phố Nguyễn Xá, phường N2, thị xã M, tỉnh Hưng Yên 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

5. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn T1, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên 15.500.000 đồng (*Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng*).

6. Anh Phạm Văn T5, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn T1, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*).

7. Anh Vì Văn M, sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã C, huyện C1, tỉnh Nghệ An; nơi tạm trú: Thôn T1, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

8. Anh Nguyễn Huy K2, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn L1, xã L1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*).

9. Anh Trương Đăng Q, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn T6, xã L2, huyện Y, tỉnh Hưng Yên 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*).

10. Anh D Đình Đều, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Tam Trạch, xã T3, huyện Y, tỉnh Hưng Yên 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng*).

11. Anh Nguyễn Trọng Đ1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn V1, xã L3, huyện Y, tỉnh Hưng Yên 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

12. Anh Lý Văn H2, sinh năm 1994; hộ khẩu thường trú: Bản Ảng, xã P1, huyện B1, tỉnh Sơn La 13.300.000 đồng (*Mười ba triệu ba trăm nghìn đồng*).

13. Anh Lê Minh H1, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn T1, xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

14. Anh Vi Đức A, sinh năm 1991; hộ khẩu thường trú: Thôn Tổng Tiến, xã Đ1, huyện C1, tỉnh Nghệ An 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

15. Chị Vũ Thị H3, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn K2, xã H3, huyện Y, tỉnh Hưng Yên 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

16. Anh Vì Văn Đ3, sinh năm 1996; hộ khẩu thường trú: Bản Nôn, xã L3, huyện V1, tỉnh Sơn La 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*).

17. Anh Vương Văn B, sinh năm 1992; hộ khẩu thường trú: Bản Loan, xã Y2, huyện B2, tỉnh Hà Giang; nơi tạm trú: Tổ dân phố Bến, phường B1, thị xã M, tỉnh Hưng Yên 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

18. Anh Vì Văn C1, sinh năm 1996; hộ khẩu hường trú: Bản Bước, xã P1, huyện B1, tỉnh Sơn La; nơi tạm trú: Tổ dân phố Nguyễn Xá, phường N2, thị xã M, tỉnh Hưng Yên 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*).

19. Anh Phan Trọng D1, sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: Xóm 2, xã V1, huyện Đ1, tỉnh Thái Nguyên; nơi tạm trú: Thôn T3, xã T3, huyện Y, tỉnh Hưng Yên 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

20. Anh Đinh Văn Đ3, sinh năm 2001; hộ khẩu thường trú: Xóm Nà Chiếu, xã C2, huyện B3, tỉnh Hòa Bình 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 800.000 đồng (số tiền trên hiện đang ở Tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y tại Kho bạc nhà nước huyện Y).

- Lưu theo hồ sơ vụ án 01 quyển sổ mầu xanh, kích thước 15x21cm, sổ ghi Giấy thỏa thuận cầm đồ kiêm phiếu xuất tiền của cửa hàng cầm đồ Thành Đạt, địa chỉ xã N, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

- Trả bị cáo Bùi Vũ T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, mầu trắng, số IMEI: 355325328406691 (không lắp sim, được niêm phong trong phong bì dán kín, ký hiệu ĐT1) và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max, mầu vàng, số IMEI chính 35728209081321, lắp 01 sim nhà mạng Viettel, trên mặt sim có dãy số 89840 4800007397 6190, được niêm phòn trong phong bì dán kín, ký hiệu ĐT2.

(*Số lượng, chủng loại, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 09/6/2023 của Công an huyện Y và Chi cục THA DS huyện Y*).

V. Về án phí: Bị cáo Bùi Vũ T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

VI. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Chi cục THA DS huyện Y;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thu Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thu Hương